

TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

Thái Nguyên, ngày 19 tháng 9 năm 2019

ĐIỂM THI

PHẦN II: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ ĐCS VÀ LỊCH SỬ ĐCS VIỆT NAM
LỚP TCLLCT-HC HỆ TẬP TRUNG KHÓA 40, TẠI TRƯỜNG

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Kim Anh	1	67	8.0	Tám	
2	Lý Thế Anh	2	70	7.0	Bảy	
3	Hoàng Văn Anh	3	38	6.5	Sáu rưỡi	
4	Hà Văn Bắc	4	55	7.0	Bảy	
5	Trần Thị Chang	5	62	7.5	Bảy rưỡi	
6	Nguyễn Thị Diễm	6	60	7.5	Bảy rưỡi	
7	Phạm Quang Dương	7	66	7.5	Bảy rưỡi	
8	Trịnh Thị Quý Dương	8	68	7.0	Bảy	
9	Vũ Đại Dương	9	65	6.5	Sáu rưỡi	
10	Hoàng Văn Đại	10	20	7.0	Bảy	
11	Hoàng Công Động	11	22	7.0	Bảy	
12	Nguyễn Thanh Đức	12	63	7.0	Bảy	
13	Tổng văn Đức	13	49	7.5	Bảy rưỡi	
14	Nông Đình Giai	14	28	7.5	Bảy rưỡi	
15	Nguyễn Trọng Hà	15	48	7.0	Bảy	
16	Nguyễn Thanh Hà	16	41	8.0	Tám	
17	Nguyễn Thị Hằng	17	40	8.0	Tám	
18	Lưu Viết Hành	18	23	7.0	Bảy	
19	Trần Văn Hiếu	19	24	8.0	Tám	
20	Hoàng Văn Hiệu	20	58	7.5	Bảy rưỡi	
21	Ma Phúc Hình	21	64	7.5	Bảy rưỡi	
22	Ma Thanh Hoàn	22	25	7.5	Bảy rưỡi	



STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
23	Bàn Thị Hồng	23	09	8.0	Tám	
24	Dương Thị Thanh Huế	24	47	8.0	Tám	
25	Hoàng Văn Hương	25	17	7.0	Bảy	
26	Nguyễn Thị Thu Hường	26	29	7.5	Bảy rưỡi	
27	Tạ Văn Kiên	27	35	7.0	Bảy	
28	Lê Thị Lan	28	31	7.0	Bảy	
29	Đỗ Thị Làn	29	07	8.0	Tám	
30	Lăng Văn Lịch	30	08	7.5	Bảy rưỡi	
31	Dương Thị Liễu	31	15	8.0	Tám	
32	Dương Quang Minh	32	14	7.0	Bảy	
33	Tô Văn Mười	33	44	7.0	Bảy	
34	Chu Thị Nam	34	42	8.0	Tám	
35	Trần Thúy Ngân	35	34	8.0	Tám	
36	Lý Hoài Ngân	36	19	7.5	Bảy rưỡi	
37	Triệu Thị Ngọc	37	10	8.0	Tám	
38	Tạ Văn Nguyên	38	13	7.0	Bảy	
39	Dương Văn Nguyên	39	46	7.5	Bảy rưỡi	
40	Nguyễn Thị Nhàn	40	18	7.5	Bảy rưỡi	
41	Đỗ Danh Pháp	41	12	7.0	Bảy	
42	Hoàng Văn Phước	42	54	7.0	Bảy	
43	Bàn Tài Quân	43	30	6.5	Sáu rưỡi	
44	Dương Văn Quy	44	52	7.0	Bảy	
45	Lê Thị Quỳnh	45	32	7.0	Bảy	
46	Nguyễn Ngọc Sơn	46	21	8.0	Tám	
47	Tạ Huy Tân	47	69	7.0	Bảy	
48	Hoàng Anh Thái	48	57	7.0	Bảy	
49	Ma Đình Thành	49	53	7.0	Bảy	
50	Nguyễn Phương Thảo	50	45	7.5	Bảy rưỡi	
51	Trần Đức Thiện	51	59	7.0	Bảy	
52	Nguyễn Văn Hóa Thuận	52	-	-	-	Vắng thi

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
53	Nguyễn Thị Thúy	53	43	8.0	Tám	
54	Dương Thị Thùy	54	36	8.0	Tám	
55	Hoàng Thị Thùy	55	33	8.0	Tám	
56	Phạm Quốc Toàn	56	50	6.5	Sáu rưỡi	
57	Lê Thị Huyền Trang	57	16	7.0	Bảy	
58	Nguyễn Thị Trang	58	51	8.0	Tám	
59	Trần Mạnh Tuấn	59	37	8.0	Tám	
60	Lường Văn Tuấn	60	39	6.5	Sáu rưỡi	
61	Đoàn Mạnh Tùng	61	26	6.5	Sáu rưỡi	
62	Nguyễn Hà Tùng	62	56	7.0	Bảy	
63	Dương Quân Tùng	63	27	7.5	Bảy rưỡi	
64	Đặng Văn Vững	64	61	7.5	Bảy rưỡi	
65	Vi Thị Yên	65	11	7.5	Bảy rưỡi	
66	Vương Thị Vân Anh	66	01	7.5	Bảy rưỡi	Phần IV – K44KTT
67	Cao Thị Thu Hà	67	02	7.0	Bảy	Phần IV – K44KTT
68	Lý Thị Thu Nga	68	03	7.0	Bảy	Phần IV – K44KTT
69	Trần Thị Bích Hợp	69	04	7.0	Bảy	Phần IV – K44KTT
70	Lã Đỗ Khánh Linh	70	05	7.0	Bảy	Phần IV – K44KTT
71	Ninh Hồng Phấn	71	06	7.5	Bảy rưỡi	Phần IV – K44KTT

**PHÒNG QLĐT&NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Phúc Ái

**KHOA XDD
TRƯỞNG KHOA**



Ngô Thị Hồng Nhung

**KT, HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Minh Chuyên